TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 154/2026/QĐST-HNGĐ	*Thanh Hóa, ngày 12 tháng 08 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 129/2026/TLST – HNGĐ, ngày 05/5/2026, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Văn T, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Thôn N, Xã N, Thanh Hóa

Số căn cước: 038084xxxxxx

- Bị đơn: Bà Vi Thị B, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Thôn N, Xã N, Thanh Hóa

Số căn cước: 038189xxxxxx

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm a, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự ngày 04 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Bùi Văn T và bà Vi Thị B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- ***Về hôn nhân***: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Bùi Văn T và bà Vi Thị B.

- ***Về con chung***: Công nhận ông Bùi Văn T và bà Vi Thị B có 03 con chung là Bùi Minh T1 (giới tính: Nữ) - sinh ngày 21/8/2011, Bùi Ngọc Á (giới tính: Nữ) -

sinh ngày 20/3/2014 và Bùi Duy K (giới tính: Nam) - sinh ngày 27/8/2020, hiện nay các con phát triển bình thường về thể lực và trí lực.

Ông Bùi Văn T và bà Vi Thị B thống nhất thoả thuận giao cả 03 con chung cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà B mỗi người con là 2.000.000 đồng/01tháng, 03 người con là 6.000.000 đồng/01 tháng. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 8/2026 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác.

Ông Bùi Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

- ***Về tài sản chung, công nợ chung***: Ông Bùi Văn T và bà Vi Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về án phí:*** Ông Bùi Văn T và bà Vi Thị B thống nhất, thỏa thuận: ông Bùi Văn T chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông T đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số 0003382, ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Ông T đã nộp đủ tiền án phí.

Bà Vi Thị B không phải nộp tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND khu vực 7 - Thanh Hoá;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã N, tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hương Giang